

PHƯƠNG ÁN
TUYỂN SINH VÀO LỚP 6 TRƯỜNG THCS
LÊ QUÝ ĐÔN, LÝ TỰ TRỌNG, NĂM HỌC 2023-2024

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2023 của UBND
thành phố Lào Cai)*

A. QUY ĐỊNH CHUNG

I. Căn cứ xây dựng phương án tuyển sinh

Thông tư số 32/2020/TT-BGD&ĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

Đề án số 06/ĐA-TU ngày 11/12/2020 của Tỉnh ủy Lào Cai về đổi mới, phát triển nâng cao chất lượng Giáo dục toàn diện - Nguồn nhân lực - Khoa học công nghệ tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025.

Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BGDĐT ngày 03/5/2019 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Thông tư ban hành Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông.

Công văn số 461/SGD&ĐT-GDTrH ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về việc tham gia ý kiến phương án tuyển sinh vào lớp 6 các trường THCS Lê Quý Đôn, Lý Tự Trọng (TP Lào Cai) năm học 2023-2-24.

Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2023-2024,

II. Chỉ tiêu tuyển sinh: Được giao tại Quyết định số 194/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Lào Cai về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo năm học 2023-2024, cụ thể như sau:

TT	Trường	Năm học 2023-2024		
		Tổng số HS	Số lớp	Bình quân HS/lớp
1	THCS Lê Quý Đôn	175	5	35
2	THCS Lý Tự Trọng	175	5	35

III. Tuổi dự tuyển: Theo Điều lệ trường Phổ thông Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT.

IV. Phương thức, đối tượng, địa bàn tuyển sinh:

- Phương thức: Kết hợp xét tuyển với kiểm tra, đánh giá năng lực học sinh.
- Đối tượng: Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học.

3. Địa bàn và hồ sơ căn cứ xác định địa bàn tuyển sinh

- Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học tại các trường thuộc địa bàn thành phố Lào Cai. Hồ sơ căn cứ để xác định đối tượng tuyển sinh: Học bạ.

- Học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học tại các trường thuộc địa bàn khác, có thường trú hoặc tạm trú tại thành phố Lào Cai trước ngày 30/4/2023, có bố mẹ hoặc người giám hộ hợp pháp sống hoặc làm việc tại thành phố Lào Cai. Hồ sơ căn cứ để xác định đối tượng tuyển sinh: Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hoặc dữ liệu trên phần mềm VneID.

V. Hồ sơ dự tuyển

1. Bản sao giấy khai sinh.
2. Học bạ Tiểu học.
3. Đơn đăng ký dự tuyển vào lớp 6 (khai báo trên phần mềm tuyển sinh trực tuyến).
4. Hồ sơ xác nhận đối tượng chính sách; điểm cộng thêm.
5. Hồ sơ xác nhận cư trú (đối với học sinh hoàn thành chương trình tiểu học tại các trường ngoài thành phố Lào Cai).

B. TỔ CHỨC TUYỂN SINH

1. Vòng 1: Đánh giá hồ sơ

- Điểm hồ sơ (ĐHS) được xác định như sau:

$$\text{ĐHS} = \frac{TĐCNL3 + TĐCNL4 + TĐCNL5}{13}$$

Trong đó:

- + TĐCNL3: Tổng điểm cuối năm Lớp 3 của 3 môn: Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh.
- + TĐCNL4: Tổng điểm cuối năm Lớp 4 của 5 môn: Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Khoa học, Lịch sử- Địa lý.
- + TĐCNL5: Tổng điểm cuối năm Lớp 5 của 5 môn: Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh, Khoa học, Lịch sử- Địa lý.
- Điểm hồ sơ làm tròn đến chữ số thập phân thứ hai theo nguyên tắc làm tròn số.
- Những HS có điểm hồ sơ đạt từ 8,00 trở lên (đối với học sinh dự tuyển vào trường THCS Lê Quý Đôn), 7,50 trở lên (đối với học sinh dự tuyển vào trường THCS Lý Tự Trọng) đủ điều kiện lựa chọn vào Vòng 2.

2. Vòng 2: Tổ chức đánh giá năng lực

- Môn khảo sát: Toán, Tiếng Việt và Tiếng Anh.
- Thời gian: 60 phút/môn.
- Nội dung, hình thức đề: Căn cứ theo Công văn số 655/PGD&ĐT-CM ngày 12/11/2021 của Phòng GD&ĐT thành phố Lào Cai về việc ban hành câu

trúc, nội dung đề khảo sát năng lực học sinh tuyển sinh vào lớp 6 trường THCS Lê Quý Đôn, Lý Tự Trọng.

- Điểm kiểm tra đánh giá môn Toán, Tiếng Việt và Tiếng Anh được tính theo thang điểm 10.

- Điểm xét tuyển (ĐXT) được xác định như sau:

$$\text{ĐXT} = \text{ĐKTTv} + \text{ĐKTT} + \text{ĐKTTa} + \text{ĐUT} + \text{ĐCT}$$

Trong đó:

+ ĐKTTv: Điểm kiểm tra Tiếng Việt.

+ ĐKTT: Điểm kiểm tra Toán.

+ ĐKTTa: Điểm kiểm tra môn Tiếng Anh.

+ ĐUT: Điểm ưu tiên (Cách quy đổi phụ lục số 01)

+ ĐCT: Điểm cộng thêm (Cách quy đổi phụ lục số 02)

Điểm xét tuyển được lấy đến chữ số thập phân thứ hai theo nguyên tắc làm tròn.

- Nguyên tắc xét trúng tuyển: Số chỉ tiêu được xét dựa trên điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến khi hết chỉ tiêu. Nếu đến chỉ tiêu cuối cùng, nhiều học sinh có điểm xét tuyển bằng nhau, ưu tiên theo thứ tự sau:

+ Học sinh có tổng (ĐKTTv + ĐKTT + ĐKTTa) cao hơn.

+ Học sinh có điểm hồ sơ cao hơn.

+ Học sinh có TĐCNL5 cao hơn.

+ Học sinh có TĐCNL4 cao hơn.

+ Học sinh có TĐCNL3 cao hơn.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. Thời gian thực hiện

- Phòng GD&ĐT: Hướng dẫn tuyển sinh vào trường THCS Lê Quý Đôn, THCS Lý Tự Trọng trước ngày 15/4/2023.

- Đăng ký dự tuyển: Từ 7h30 ngày 22/5/2023 đến hết 17h00 ngày 25/5/2023 (sau thời hạn trên, không nhận hồ sơ dự tuyển và bất kỳ hồ sơ bổ sung của thí sinh).

- Thông báo danh sách thí sinh tiếp tục dự tuyển vòng 2: Trước 17h00 ngày 26/5/2023.

- Tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực: Ngày 28/5/2023.

- Công bố kết quả vòng 2: Trước 17h00 ngày 01/6/2023.

- Nhận đơn đề nghị phúc khảo: Trước 17h00 ngày 02/6/2023.

- Thông báo kết quả chấm phúc khảo: Trước 17h00 ngày 03/6/2023.

- Thông báo danh sách thí sinh trúng tuyển: Trước 17h00 ngày 04/6/2023.

2. Trách nhiệm thực hiện: Phòng GD&ĐT

- Căn cứ các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT, các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT ban hành các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tuyển sinh vào trường THCS Lê Quý Đôn, Lý Tự Trọng năm học 2023-2024.

- Chỉ đạo trường THCS Lê Quý Đôn và THCS Lý Tự Trọng và các cơ sở giáo dục liên quan tổ chức tuyển sinh đúng theo quy định, công bằng, khách quan.

- Chỉ đạo công tác ra đề, tổ chức coi, làm phách, chấm bài khảo sát vận dụng theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT và Thông tư 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12/3/2021 của Bộ GD&ĐT về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT./.

PHỤ LỤC 1

Quy định về cộng điểm ưu tiên

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2023 của UBND thành phố Lào Cai)

Nhóm 1: Cộng 1,0 điểm cho một trong các đối tượng sau:

- + Con liệt sĩ;
- + Con thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- + Con bệnh binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên;
- + Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động 81% trở lên;
- + Con của người được cấp “Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh mà người được cấp Giấy chứng nhận người hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên”;
- + Con của Anh hùng lực lượng vũ trang, con của Anh hùng lao động;
- + Con của người có công với cách mạng quy định tại điểm a, b, d khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 6 năm 2005 được sửa đổi, bổ sung theo Pháp lệnh số 04/2012/UBTVQH13 ngày 16 tháng 7 năm 2012.

Nhóm 2: Cộng 0,5 điểm cho 1 trong các đối tượng sau:

- + Học sinh là người dân tộc thiểu số hoặc có bố (hoặc mẹ) là người dân tộc thiểu số; học sinh đang sinh sống, học tập tại các vùng có điều kiện Kinh tế - Xã hội đặc biệt khó khăn;
- + Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%;
- + Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%;
- + Con của người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế có giấy chứng nhận được hưởng chế độ ưu tiên theo quy định tại Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

PHỤ LỤC 2**Các căn cứ, Quy định về điểm cộng thêm**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2023 của UBND thành phố Lào Cai)

TT	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu (có giá trị đến ngày tổ chức thi)	Điểm ghi trong chứng chỉ	Điểm cộng quy đổi	Đơn vị cấp chứng chỉ hoặc ký Quyết định công nhận
1	TOEFL iBT	30 - 32	0,5 điểm	Viện khảo thí giáo dục Hoa Kỳ (ETS)
		33 - 35	1,0 điểm	
		36 - 38	1,5 điểm	
		39 - 40	2,0 điểm	
2	Cambridge A2KET	120 - 126	0,5 điểm	Đơn vị liên kết thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ của nước ngoài được Bộ GD&ĐT cho phép
		127 - 132	1,0 điểm	
		133 - 139	1,5 điểm	
		140	2,0 điểm	
3	HSK cấp độ 2	120 - 140	0,5 điểm	Đơn vị liên kết thi, cấp chứng chỉ ngoại ngữ của nước ngoài được Bộ GD&ĐT cho phép
		141 - 160	1,0 điểm	
		161 - 180	1,5 điểm	
		181 - 200	2,0 điểm	